

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Kỳ thi: _____

Bài thi: _____ Ngày thi: ____/____/____

Họ tên và chữ ký của cán bộ coi thi 1	1. Hội đồng thi: _____
	2. Điểm thi / lớp: _____
	3. Phòng thi số: _____
Họ tên và chữ ký của cán bộ coi thi 2	4. Họ và tên thí sinh: _____
	5. Ngày sinh: ____/____/____ (☐ Nam ☐ Nữ)
	6. Chữ ký của thí sinh: _____

8. Số báo danh

--	--	--	--	--	--

9. Mã đề thi

--	--	--	--

0	☐	☐	☐	☐	☐	☐	0	☐	☐	☐	☐	☐
1	☐	☐	☐	☐	☐	☐	1	☐	☐	☐	☐	☐
2	☐	☐	☐	☐	☐	☐	2	☐	☐	☐	☐	☐
3	☐	☐	☐	☐	☐	☐	3	☐	☐	☐	☐	☐
4	☐	☐	☐	☐	☐	☐	4	☐	☐	☐	☐	☐
5	☐	☐	☐	☐	☐	☐	5	☐	☐	☐	☐	☐
6	☐	☐	☐	☐	☐	☐	6	☐	☐	☐	☐	☐
7	☐	☐	☐	☐	☐	☐	7	☐	☐	☐	☐	☐
8	☐	☐	☐	☐	☐	☐	8	☐	☐	☐	☐	☐
9	☐	☐	☐	☐	☐	☐	9	☐	☐	☐	☐	☐

Phần I

	A	B	C	D		A	B	C	D		A	B	C	D		A	B	C	D
1	☐	☐	☐	☐	11	☐	☐	☐	☐	21	☐	☐	☐	☐	31	☐	☐	☐	☐
2	☐	☐	☐	☐	12	☐	☐	☐	☐	22	☐	☐	☐	☐	32	☐	☐	☐	☐
3	☐	☐	☐	☐	13	☐	☐	☐	☐	23	☐	☐	☐	☐	33	☐	☐	☐	☐
4	☐	☐	☐	☐	14	☐	☐	☐	☐	24	☐	☐	☐	☐	34	☐	☐	☐	☐
5	☐	☐	☐	☐	15	☐	☐	☐	☐	25	☐	☐	☐	☐	35	☐	☐	☐	☐
6	☐	☐	☐	☐	16	☐	☐	☐	☐	26	☐	☐	☐	☐	36	☐	☐	☐	☐
7	☐	☐	☐	☐	17	☐	☐	☐	☐	27	☐	☐	☐	☐	37	☐	☐	☐	☐
8	☐	☐	☐	☐	18	☐	☐	☐	☐	28	☐	☐	☐	☐	38	☐	☐	☐	☐
9	☐	☐	☐	☐	19	☐	☐	☐	☐	29	☐	☐	☐	☐	39	☐	☐	☐	☐
10	☐	☐	☐	☐	20	☐	☐	☐	☐	30	☐	☐	☐	☐	40	☐	☐	☐	☐

Phần II

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
Đúng Sai	Đúng Sai	Đúng Sai	Đúng Sai	Đúng Sai	Đúng Sai	Đúng Sai	Đúng Sai
a) ☐ ☐	☐ ☐	a) ☐ ☐	☐ ☐	a) ☐ ☐	☐ ☐	a) ☐ ☐	☐ ☐
b) ☐ ☐	☐ ☐	b) ☐ ☐	☐ ☐	b) ☐ ☐	☐ ☐	b) ☐ ☐	☐ ☐
c) ☐ ☐	☐ ☐	c) ☐ ☐	☐ ☐	c) ☐ ☐	☐ ☐	c) ☐ ☐	☐ ☐
d) ☐ ☐	☐ ☐	d) ☐ ☐	☐ ☐	d) ☐ ☐	☐ ☐	d) ☐ ☐	☐ ☐

Phần III

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
- ☐	- ☐	- ☐	- ☐	- ☐	- ☐
/ ☐ ☐	/ ☐ ☐	/ ☐ ☐	/ ☐ ☐	/ ☐ ☐	/ ☐ ☐
0 ☐ ☐ ☐ ☐	0 ☐ ☐ ☐ ☐	0 ☐ ☐ ☐ ☐	0 ☐ ☐ ☐ ☐	0 ☐ ☐ ☐ ☐	0 ☐ ☐ ☐ ☐
1 ☐ ☐ ☐ ☐	1 ☐ ☐ ☐ ☐	1 ☐ ☐ ☐ ☐	1 ☐ ☐ ☐ ☐	1 ☐ ☐ ☐ ☐	1 ☐ ☐ ☐ ☐
2 ☐ ☐ ☐ ☐	2 ☐ ☐ ☐ ☐	2 ☐ ☐ ☐ ☐	2 ☐ ☐ ☐ ☐	2 ☐ ☐ ☐ ☐	2 ☐ ☐ ☐ ☐
3 ☐ ☐ ☐ ☐	3 ☐ ☐ ☐ ☐	3 ☐ ☐ ☐ ☐	3 ☐ ☐ ☐ ☐	3 ☐ ☐ ☐ ☐	3 ☐ ☐ ☐ ☐
4 ☐ ☐ ☐ ☐	4 ☐ ☐ ☐ ☐	4 ☐ ☐ ☐ ☐	4 ☐ ☐ ☐ ☐	4 ☐ ☐ ☐ ☐	4 ☐ ☐ ☐ ☐
5 ☐ ☐ ☐ ☐	5 ☐ ☐ ☐ ☐	5 ☐ ☐ ☐ ☐	5 ☐ ☐ ☐ ☐	5 ☐ ☐ ☐ ☐	5 ☐ ☐ ☐ ☐
6 ☐ ☐ ☐ ☐	6 ☐ ☐ ☐ ☐	6 ☐ ☐ ☐ ☐	6 ☐ ☐ ☐ ☐	6 ☐ ☐ ☐ ☐	6 ☐ ☐ ☐ ☐
7 ☐ ☐ ☐ ☐	7 ☐ ☐ ☐ ☐	7 ☐ ☐ ☐ ☐	7 ☐ ☐ ☐ ☐	7 ☐ ☐ ☐ ☐	7 ☐ ☐ ☐ ☐
8 ☐ ☐ ☐ ☐	8 ☐ ☐ ☐ ☐	8 ☐ ☐ ☐ ☐	8 ☐ ☐ ☐ ☐	8 ☐ ☐ ☐ ☐	8 ☐ ☐ ☐ ☐
9 ☐ ☐ ☐ ☐	9 ☐ ☐ ☐ ☐	9 ☐ ☐ ☐ ☐	9 ☐ ☐ ☐ ☐	9 ☐ ☐ ☐ ☐	9 ☐ ☐ ☐ ☐

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

- 1) Thí sinh cần giữ Phiếu cho phẳng, không bôi bẩn, không làm nhàu, rách nát;
- 2) Ghi đầy đủ, rõ ràng các mục từ mục 1 đến mục 8;
- 3) Số báo danh ghi tại mục 7 là 6 chữ số cuối;
- 4) Tại mục 7 và 8, ngoài việc ghi chữ số vào ô trống, thí sinh nhất thiết phải tô kín các ô tròn trong bảng phía dưới ứng với chữ số đã ghi
- 5) Thí sinh tô đáp án lựa chọn cho mỗi câu hỏi/ý hỏi trên đề thi vào vị trí tương ứng ở trên đề thi. Trong đó:
 - a) Phần I: Thí sinh chỉ tô một đáp án duy nhất tương ứng với đáp án A, B, C, D trong đề thi của câu hỏi tương ứng.
Ví dụ: thí sinh chọn câu 1 – đáp án A, câu 2 – đáp án B, câu 3, đáp án C, câu 4 – đáp án B, câu 5 đáp án D thì tô như Hình 1 dưới đây
 - b) Phần II: Thí sinh tô vào ô tương ứng với đáp án đúng hoặc sai đối với mỗi ý trong từng câu hỏi của đề thi.
Ví dụ: Phần II, Câu 1 thí sinh chọn ý a – đúng; ý b – sai; ý c – đúng; ý d – đúng thì tô như Hình 2 dưới đây.
 - c) Phần III: Thí sinh ghi đáp án bằng số vào ô đồng thời tô đáp vào các ô tương ứng ở phía dưới. Thí sinh tô bắt đầu từ trái sang phải và bỏ trống các ô bên phải nếu không dùng đến.
Ví dụ 1: Phần III, Câu 1 thí sinh chọn đáp án là “-1,5” thì tô và ghi như Hình 3 dưới đây.
Ví dụ 2: Phần III, Câu 1 thí sinh chọn đáp án là “1,5” thì tô và ghi như Hình 4 dưới đây.

PHẦN I

	A	B	C	D
1	☒	☐	☐	☐
2	☐	☒	☐	☐
3	☐	☐	☒	☐
4	☐	☒	☐	☐
5	☐	☐	☐	☒

Hình 1

PHẦN II

Câu 1

Đúng Sai

a) ☒ ☐

b) ☐ ☒

c) ☒ ☐

d) ☒ ☐

Hình 2

PHẦN III

Câu 1

- 1 , 5

- ☒

,

0 ☐

1 ☒

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☐

6 ☐

7 ☐

8 ☐

9 ☐

Hình 3

PHẦN III

Câu 1

1 , 5

- ☐

,

0 ☐

1 ☒

2 ☐

3 ☐

4 ☐

5 ☐

6 ☐

7 ☐

8 ☐

9 ☐

Hình 4